

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HS-ST
Ngày 18 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tường Duy Bình và bà Lò Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 55/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 đối với:

Bị cáo: Dương Chí D, sinh ngày: 14/11/1997 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn H (đã chết) và bà Lê Thị T - sinh năm: 1981; có vợ là Lê Thị Khánh L - sinh năm 1993, có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 134/2019/HSST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đã được xóa án tích); bị tạm giam từ ngày 03/10/2023 đến nay; có mặt.

Bị hại: Anh Lò Văn Q, sinh năm: 2005; nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

Người làm chứng: Anh Đinh Thanh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Chí D và anh Lò Văn Q có quan hệ bạn bè. Khoảng 19 giờ ngày 16/9/2023 D rủ Q đi hát tại quán K thuộc thị trấn Nông Trường M, huyện M. Sau khi vào phòng hát khoảng 30 phút, D mượn điện thoại của Q để liên lạc, Q đồng ý đưa điện thoại và cung cấp mật khẩu điện thoại cho D. D cầm điện thoại ra ngoài sân của quán hát gọi điện cho bạn, sau đó do không có tiền chi tiêu nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trong tài khoản ngân hàng của Q. D mở điện thoại của Q truy cập ứng dụng Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (M) được cài đặt sẵn trên điện thoại. Khi ứng dụng yêu cầu nhập thông tin và mật khẩu để đăng nhập, D bấm vào dòng chữ “quên mật khẩu” trong ứng dụng thì được yêu cầu cung cấp họ và tên chủ tài khoản, số điện thoại, số CMND/CCCD. D thoát ứng dụng rồi soạn tin nhắn với nội dung “TTTB” gửi đến tổng đài 1414 để lấy thông tin cá nhân của Q. Sau khi lấy được thông tin của Q, D cài đặt thêm phần nhận diện khuôn mặt của D vào điện thoại của Q, tiếp tục truy cập vào ứng dụng ngân hàng M và đăng nhập thành công vào tài khoản ngân hàng của Q. D kiểm tra số dư trong tài khoản của Q có hơn 19.000.000 đồng. Để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, D đăng nhập ứng dụng Telegram của trên điện thoại của D, sử dụng tài khoản của D mang tên Tuenhi2222 để liên hệ với một tài khoản tên A (là tài khoản trước đó D đã giao dịch nhờ giữ và chuyển tiền, với tiền phí là 10% số tiền gửi), D nhắn muốn gửi tiền và xin số tài khoản của A. Người có tài khoản A đã nhắn số tài khoản mang tên HA VAN HAI, ngân hàng M, số tài khoản: 160519943939 cho D. Nhận được số tài khoản, D đã sử dụng điện thoại của Q thao tác chuyển khoản số tiền 19.000.000 đồng đến tài khoản HA VAN HAI do tài khoản Admin cung cấp nhờ giữ hộ. Sau đó, D đi vào quầy thanh toán của quán hát, D nhắn tin với tài khoản A yêu cầu người này chuyển số tiền 4.000.000 đồng vào tài khoản của anh Đinh Thanh B là thu ngân của quán hát để trả tiền. Sau đó, tài khoản A đã thực hiện 02 giao dịch chuyển tiền, mỗi giao dịch 2.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng của B. Khi B nhận được số tiền 4.000.000 đồng trong tài khoản, D trao đổi với B sẽ trả trước 2.000.000 đồng tiền hát và lấy lại 2.000.000 đồng tiền mặt. B đưa cho D 2.000.000 đồng, D nhận tiền rồi gửi lại điện thoại di động của Q tại quầy lễ tân và rời khỏi quán hát đi chơi với bạn. Sau khi Q hát xong, do không thấy D nên Q gọi điện cho D, bảo D gửi tiền trả tiền hát do số tiền 2.000.000 đồng D đã trả từ trước không đủ. D truy cập ứng dụng M của bản thân, chuyển khoản đến tài khoản của Q số tiền 900.000 đồng trong đó 665.000 đồng là để thanh toán tiền hát còn thiếu và 235.000 đồng là tiền cho Q để thuê taxi đi về. Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 16/9/2023, D đón xe khách đi về Hà Nội chơi.

Chiều ngày 17/9/2023, D truy cập ứng dụng Telegram nhắn tin cho tài khoản Admin để yêu cầu người này tạo 01 lệnh rút tiền và được gửi cho một lệnh gồm 10 ký tự. D đi đến cây ATM tại quận L, thành phố Hà Nội rút toàn bộ số tiền 13.000.000 đồng còn lại đã chiếm đoạt của Q và đã chi tiêu cá nhân hết. Số tiền 2.000.000 đồng còn lại gửi tại tài khoản của A thì bị tự khấu trừ vào phí nhận tiền, gửi tiền giúp D.

Sau khi phát hiện tài khoản ngân hàng bị mất tiền, Lò Văn Q đã trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M.

Ngày 01/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M tiến hành kiểm tra điện thoại di động của Lò Văn Q, xác nhận trong ứng dụng ngân hàng M có 01 giao dịch chuyển tiền đi với số tiền 19.000.000 đồng đến tài khoản tên “HA VAN HAI”, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, số tài khoản: 279057619.

Ngày 01/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M tiến hành thực nghiệm điều tra, cho Dương Chí D sử dụng điện thoại của Lò Văn Q thực hiện thao tác truy cập ứng dụng ngân hàng M và lấy thông tin tài khoản, kết quả Dương Chí D truy cập thành công vào tài khoản ngân hàng của Lò Văn Q như đã khai nhận trong quá trình điều tra.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M yêu cầu Ngân hàng M sao kê tài khoản của Dương Chí D, Lò Văn Q và Đinh Thanh B. Kết quả thể hiện ngày 18/9/2023 tài khoản của Đinh Thanh B tiếp nhận 02 lần nhận chuyển số tiền 2.000.000 đồng từ tài khoản tên “HA VAN HAI”, ngân hàng M, số tài khoản: 160519943939 và tài khoản tên “NGUYEN THANH SON”, ngân hàng M, số tài khoản: 9910372033451. Sự sai lệch giữa việc chuyển tiền trên thực tế ngày 16/9/2023, Ngân hàng xác nhận do giao dịch thực hiện vào ngày thứ 7 nên trên hệ thống việc cập nhật thông tin được thực hiện vào ngày thứ hai tuần làm việc tiếp theo tức ngày 18/9/2023.

Qua thông tin do ngân hàng cung cấp về tên, năm sinh, địa chỉ của tài khoản “HA VAN HAI” và “NGUYEN THANH SON”, việc xác minh tại địa phương, kết quả không có ai như thông tin ngân hàng cung cấp. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M không có căn cứ điều tra làm rõ.

Về bồi thường dân sự: Chị Lê Thị T là mẹ đẻ Dương Chí D đã bồi thường số tiền 19.000.000 đồng cho anh Lò Văn Q, anh Lò Văn Q đã nhận tiền và không đề nghị bồi thường gì thêm, có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Dương Chí D.

Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 29/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố bị can Dương Chí D về tội “Sử dụng mạng máy tính,

mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Chí D trình bày ý kiến giữ nguyên lời khai, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung nào làm thay đổi nội dung vụ án. Bị cáo nhận tội như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lê Thị T trình bày ý kiến: Chị T đã thay Dương Chí D bồi thường số tiền 19.000.000 đồng cho anh Lò Văn Q, anh Q đã nhận tiền và không đề nghị bồi thường gì thêm. Chị T không yêu cầu Dương Chí D phải trả lại số tiền đã bồi thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Chí D phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và áp dụng các căn cứ pháp luật như sau:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Chí D từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Dương Chí D.

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 13, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Về bồi thường dân sự:

Ghi nhận việc chị Lê Thị T đã bồi thường thay cho bị cáo Dương Chí D cho anh Lò Văn Q số tiền 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*).

Ghi nhận việc chị Lê Thị T không yêu cầu bị cáo Dương Chí D phải bồi thường lại cho chị T số tiền 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*) chị T đã bồi thường cho anh Lò Văn Q.

- Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy đối với Dương Chí D.

- Về án phí: Bị cáo Dương Chí D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu luận tội, bị cáo Dương Chí D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lê Thị T nhất trí với toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo ân hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến, khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại anh Lò Văn Q và người làm chứng anh Đinh Thanh B đều vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy bị hại và người làm chứng đã có lời khai ở Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai nhận của bị cáo; bị hại đã được bồi thường toàn bộ thiệt hại và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của bị hại anh Lò Văn Q và người làm chứng anh Đinh Thanh B không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Dương Chí D giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, không thay đổi hay bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Bị cáo hoàn toàn nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu và khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với đơn trình báo của bị hại, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; bản ảnh, biên bản thực nghiệm điều tra; biên bản kiểm tra nội dung thông tin lưu trữ trong điện thoại di động; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Dương Chí D là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ngày 16/9/2023 Dương Chí D mượn điện thoại di động của anh Lò Văn Q, dùng thủ đoạn gian dối để có được thông tin tài khoản và mật khẩu ứng dụng Ngân hàng M của anh Q, rồi truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của anh Q và thực hiện hành vi chuyển

khoản để chiếm đoạt số tiền 19.000.000 đồng có trong tài khoản ngân hàng, mục đích để có tiền chi tiêu cá nhân.

Hành vi của bị cáo Dương Chí D đủ yếu tố cấu thành “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự, quy định bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Vì vậy, Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo Dương Chí D là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông và xâm phạm quyền sở hữu tài sản công dân, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản vào năm 2019 (đã được xóa án tích), nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Bản thân bị cáo còn trẻ, nhưng lười lao động, coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi muốn có tiền để chi tiêu cá nhân mà thực hiện hành vi phạm tội.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo đã tích cực, tự nguyện tác động nhờ mẹ đẻ là chị Lê Thị T bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, bản thân bị cáo không có tài sản gì có giá trị, không có điều kiện thi hành hình phạt bổ sung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] *Về bồi thường dân sự:* Chị Lê Thị T là mẹ đẻ của Dương Chí D đã bồi thường số tiền 19.000.000 đồng cho bị hại Lò Văn Q, anh Q đã nhận tiền và không đề nghị bồi thường gì thêm; chị T không yêu cầu Dương Chí D phải trả lại

số tiền đã bồi thường. Xét việc bồi thường dân sự trên là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[4] *Về vật chứng của vụ án:* Đối với 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy đối với Dương Chí D, xét đây là vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] *Về án phí:* Bị cáo Dương Chí D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] *Về thời hạn tạm giam:* Thời hạn tạm giam còn lại của bị cáo còn dưới 45 ngày, do đó Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] *Về các vấn đề khác:*

Trong vụ án có đề cập đến người quản lý sử dụng tài khoản mạng xã hội Telegram tên “Admin” là người trung gian nhận gửi tiền và chuyển tiền mà Dương Chí D chiếm đoạt được của Lò Văn Q. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân lý lịch, nơi cư trú của người nêu trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M không có căn cứ để điều tra, làm rõ và xử lý.

Đối với Đinh Thanh B là người nhận qua tài khoản số tiền 4.000.000 đồng của Dương Chí D và đưa cho D số tiền mặt 2.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định khi Đinh Thanh B nhận tiền tài khoản của Dương Chí D chuyển đến và đưa tiền mặt cho D thì không biết nguồn gốc số tiền là tài sản do phạm tội mà có, do đó không đề cập đến vấn đề xử lý đối với Đinh Thanh B.

Đối với Hà Văn H1 là người đăng ký tài khoản số: 160519943939 tại Ngân hàng M và Nguyễn Thành S là người đăng ký tài khoản số: 9910372033451 tại Ngân hàng M. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân lý lịch, nơi cư trú của Hà Văn H1 và Nguyễn Thành S nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M không có căn cứ để điều tra, làm rõ và xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Dương Chí D phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Dương Chí D 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 03/10/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Dương Chí D.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 13, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Về bồi thường dân sự:

Ghi nhận việc chị Lê Thị T đã bồi thường thay cho bị cáo Dương Chí D cho anh Lò Văn Q số tiền 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*).

Ghi nhận việc chị Lê Thị T không yêu cầu bị cáo Dương Chí D phải bồi thường lại cho chị T số tiền 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*) chị T đã bồi thường cho anh Lò Văn Q.

3. Căn cứ khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy đối với Dương Chí D.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Buộc bị cáo Dương Chí D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng chẵn*).

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- CQCSĐT Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Trại giam;
- THA HS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Thu Trang